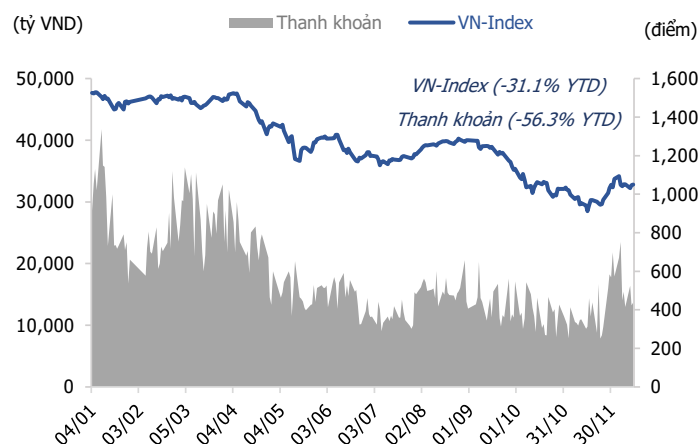


VN-INDEX TIẾP NỐI ĐÀ TĂNG ĐIỂM, THANH KHOẢN TĂNG NHẸ

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VN-INDEX



ĐIỂM NHẤN GIAO DỊCH

▲ **VN-Index giữ vững sắc xanh:** Với 252 mã tăng trên 161 mã giảm trên HSX, VN-Index tiếp tục giữ vững đà tăng điểm của mình. Kết phiên, VN-Index có thêm 3.0 điểm (+0.3%) và đang ở mốc 1,050.

▲ **Thanh khoản tăng nhẹ:** Thanh khoản trên HSX đang đạt 13,720 tỷ VND, tăng 3.7% so với phiên gần nhất.

▲ **Khởi ngoại mua ròng:** Các nhà đầu tư nước ngoài vẫn duy trì đà mua ròng của mình với 27.8 tỷ VND trên HSX. Các mã đang là tâm điểm mua vào phiên hôm nay là VHM (78.2 tỷ VND), NVL (50.8 tỷ VND) và HCM (50.1 tỷ VND).

▲ **Nhóm tăng điểm:** Dẫn đầu trong VN30 phiên hôm nay đang gọi tên 3 mã GVR (+3.3%), STB (+3.1%) và GAS (+1.8%).

▼ **Nhóm giảm điểm:** VIC (-1.3%) tiếp tục lọt top những mã giảm điểm mạnh nhất VN30, cùng với đó đang là PDR (-3.2%) và SSI (-1.5%).

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Thị trường giao dịch giằng co quanh ngưỡng tham chiếu. VN-Index bật tăng ngay từ đầu phiên do tác động của các tin tốt từ thị trường quốc tế, tuy nhiên điều này không kéo dài được lâu khi lực bán kéo chỉ số về quanh vùng tham chiếu, mặc dù lực cầu xuất hiện vào cuối phiên nhưng vẫn chưa đủ để đưa VN-Index thoát ra khỏi vùng kháng cự tâm lý 1,050 điểm.

Hành động: Sau tin tức về CPI tháng 11 của Mỹ, thị trường sẽ tiếp tục đón nhận tin tăng lãi suất của FED trong tối nay. Do đó, thị trường sẽ có nhiều biến động trong phiên ngày mai 15/12, nhà đầu tư nên theo dõi thị trường, hạn chế mua mới trong tuần này và tranh thủ bán trong những phiên tăng sắp tới.

DỰ BÁO XU HƯỚNG CỦA VN-INDEX



TIN TỨC TRONG NGÀY

TIN TỨC QUỐC TẾ

- CPI tháng 11 của Mỹ tăng 0.1% MoM và cao hơn 7.1% YoY. 2 con số đều cho thấy mức giảm đáng kể so với những lần tăng nóng trước đó (CPI tháng 10 tăng 0.15% MoM và 7.7% YoY).

Tác động: Cùng cố thêm niềm tin về khả năng mức tăng lãi suất trong tháng 12 này của FED sẽ lên thêm 50 dpt và việc giảm tốc tăng lãi suất trong thời gian tới từ FED.

TIN TỨC TRONG NƯỚC

- Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) nâng dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2022 lên mức 7.5% (cuối tháng 9 ngân hàng này dự báo đạt mức 6.5%). Ngoài ra, ngân hàng này cũng dự báo lạm phát năm 2022 được điều chỉnh xuống còn 3.5% (trước đó là 3.8%).

Tác động: Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục được đánh giá có triển vọng tích cực trong thời gian tới.

TIN TỨC DOANH NGHIỆP

- NLG** (HSX, giá đóng cửa ngày 14/12: 30,500 VND): Ban lãnh đạo Nam Long đã điều chỉnh giảm kế hoạch doanh số bán hàng cả năm 2022 từ 23,400 tỷ VND đã được thông báo tại ĐHCĐ thường niên năm 2022 xuống còn 12,300 tỷ VND (-47.4%) (bao gồm 1,900 tỷ VND đã ghi nhận tại dự án Izumi City vào cuối năm 2021). Doanh số bán hàng Q4.2022 dự kiến là 2,400 tỷ VND, trong đó chủ yếu được đóng góp bởi dự án Cần Thơ với 1,200 tỷ VND và Izumi City với 700 tỷ VND.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

	VN-Index	HNX-Index
Giá trị chỉ số	1,050	213
<i>Biến động 1 ngày (%)</i>	<i>0.3%</i>	<i>-0.2%</i>
<i>Biến động YTD (%)</i>	<i>-31.1%</i>	<i>-55.0%</i>
Giá trị giao dịch (tỷ VND)	13,720	1,300
<i>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</i>	<i>11,202</i>	<i>1,156</i>
<i>GTGD thỏa thuận (tỷ VND)</i>	<i>2,519</i>	<i>144</i>
<i>Biến động 1 ngày (%)</i>	<i>3.7%</i>	<i>-7.4%</i>

Biến động ngành (ICB cấp 2)	% 1D	%YTD	% vốn hóa
Hóa chất	2.4%	-42.9%	3.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.3%	-10.5%	7.4%
Du lịch và Giải trí	1.1%	-24.3%	2.3%
Dầu khí	1.1%	-35.3%	1.4%
Tài nguyên Cơ bản	1.0%	-47.9%	3.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%	-12.5%	1.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%	-45.4%	3.3%
Bảo hiểm	0.5%	-12.1%	1.5%
Ngân hàng	0.3%	-21.0%	32.7%
Dịch vụ tài chính	0.3%	-54.3%	3.5%
VN-Index	0.3%	-31.1%	100.0%
Bán lẻ	0.0%	-30.0%	2.1%
Bất động sản	-0.2%	-47.1%	19.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%	-25.5%	2.9%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%	-15.9%	11.6%
Công nghệ Thông tin	-1.0%	-9.3%	2.2%

Lãi suất trong nước	%/năm	± đầu năm
Lãi suất qua đêm LNH	5.6%	3.8%
Lãi suất TPCP 5 năm	5.0%	4.0%

Tỷ giá	% 1D	%YTD
USD/VND	23,530	-0.3%
EUR/VND	25,034	-0.2%
JPY/VND	174	-0.1%
GBP/VND	29,167	-0.2%

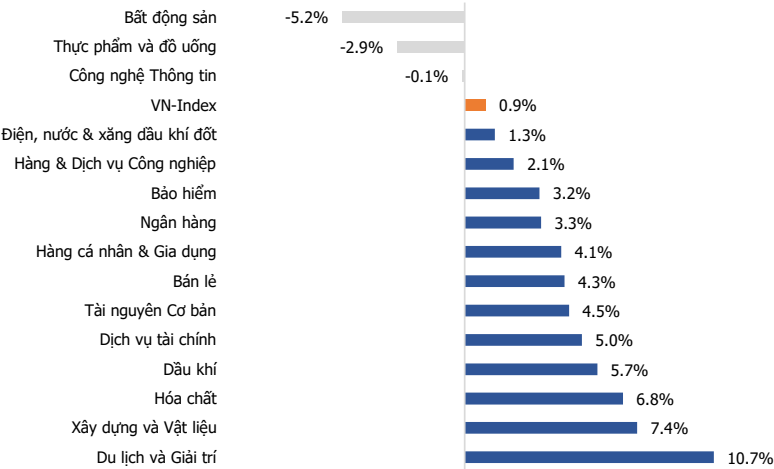
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

Chỉ số CK quốc tế	% 1D	%YTD
DJI**	34,109	0.3%
S&P500**	4,020	0.7%
VIX**	23	0.8%
FTSE100**	7,472	-0.4%
DAX**	14,438	-0.4%
CAC40**	6,718	-0.4%
Nikkei	28,166	0.8%
Shanghai	3,177	0.0%
Kospi	2,399	1.1%
Taiwan weighted	14,739	1.5%

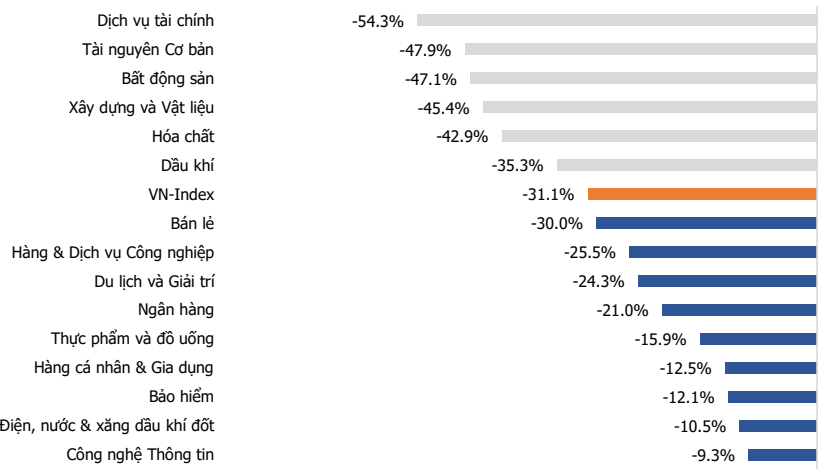
(**) dữ liệu phiên liền trước

Giá hàng hóa	% 1D	%YTD
Giá dầu Brent (USD)	80.59	-0.1%
Giá dầu WTI (USD)	75.36	0.0%
Giá vàng (USD)	1,808.51	-0.1%
Giá đồng (USD)	3.88	0.9%

TOP BIẾN ĐỘNG NGÀNH TRONG 1 TUẦN



TOP BIẾN ĐỘNG NGÀNH YTD



TOP BIẾN ĐỘNG NHÓM CỔ PHIẾU VN100

	Ticker	Tên công ty	Ngành	Sàn	Giá cuối ngày (VND)	% ngày	% 1 tuần	% 1 tháng	% 1 năm	Vốn hóa (tỷ VND)	Giá trị GD (tỷ VND)
Nhóm cổ phiếu biến động tích cực nhất	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	Bất động sản	HSX	7,800	7.0%	16.2%	46.8%	-64.6%	5,212	74
	SZC	Sonadezi Châu Đức	Bất động sản	HSX	31,650	6.9%	15.1%	34.7%	-54.3%	3,165	100
	SCR	Sacomreal	Bất động sản	HSX	6,340	6.9%	12.6%	52.8%	-69.4%	2,508	68
	EIB	Eximbank	Ngân hàng	HSX	27,200	6.7%	39.5%	20.9%	-19.8%	33,441	242
	PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	Dầu khí	HSX	17,700	4.1%	6.6%	29.2%	-24.9%	9,839	148
Nhóm cổ phiếu biến động tiêu cực nhất	VCG	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	HSX	18,500	-2.6%	13.5%	46.2%	-60.3%	8,989	169
	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HSX	46,200	-2.6%	9.0%	23.5%	6.5%	8,913	2
	PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	HSX	15,000	-3.2%	-5.1%	-38.5%	-78.4%	10,075	120
	DIG	DIC Corp	Bất động sản	HSX	17,800	-3.5%	6.6%	64.1%	-79.0%	10,855	252
	HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	HSX	11,050	-3.9%	16.9%	52.4%	-62.9%	3,029	66

Các mã cổ phiếu in đậm có tên trong danh sách Nhóm cổ phiếu tiêu biểu (trang 3)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI TRÊN HSX

	Ticker	Tên công ty	Giá cuối ngày (VND)	% ngày	KLGD NN (cổ phiếu)	GTGD NN (tỷ VND)	% sở hữu nước ngoài
Mua ròng	VHM	Vinhomes	53,000	0.0%	+1,481,100	+78	24.2%
	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Nova)	18,500	1.6%	+2,730,700	+51	5.5%
	HCM	Chứng khoán TP.HCM	22,600	1.3%	+2,183,200	+50	41.4%
	STB	Sacombank	23,250	3.1%	+2,097,300	+48	26.7%
	VCI	Chứng khoán Bản Việt	26,350	-0.4%	+710,800	+19	19.1%
Bán ròng	SHB	SHB	10,750	-1.4%	-2,613,600	-28	5.8%
	VIC	VinGroup	60,800	-1.3%	-466,500	-28	12.7%
	SSI	Chứng khoán SSI	20,100	-1.5%	-1,494,300	-30	41.0%
	HPG	Hòa Phát	19,200	1.1%	-2,374,400	-46	21.2%
	VNM	VINAMILK	77,500	-0.6%	-1,596,900	-124	56.0%

Giá trị giao dịch ròng (tỷ VND)

VHM	NVL	HCM	STB	VCI	SHB	VIC	SSI	HPG	VNM
+78	+51	+50	+48	+19	-28	-28	-30	-46	-124

Các mã cổ phiếu in đậm có tên trong danh sách Nhóm cổ phiếu tiêu biểu (trang 3)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH TỰ DOANH TRÊN HSX

	Ticker	Tên công ty	Giá cuối ngày (VND)	% ngày	KLGD TD (cổ phiếu)	GTGD TD (tỷ VND)
Mua ròng	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	18,500	1.6%	+11,854,405	+214
	HPG	Hòa Phát	19,200	1.1%	+2,455,400	+47
	VND	Chứng khoán VNDIRECT	15,600	1.0%	+2,515,600	+40
	VPB	VPBank	17,050	-0.3%	+1,062,000	+18
	ACB	Ngân hàng Á Châu	23,150	0.4%	+582,800	+14
Bán ròng	FPT	FPT Corp	76,300	-1.2%	-217,000	-17
	SAB	SABECO	179,000	0.6%	-120,800	-22
	MSN	Tập đoàn Masan	96,000	-1.0%	-385,600	-37
	VIC	VinGroup	60,800	-1.3%	-706,900	-43
	VNM	VINAMILK	77,500	-0.6%	-650,900	-51

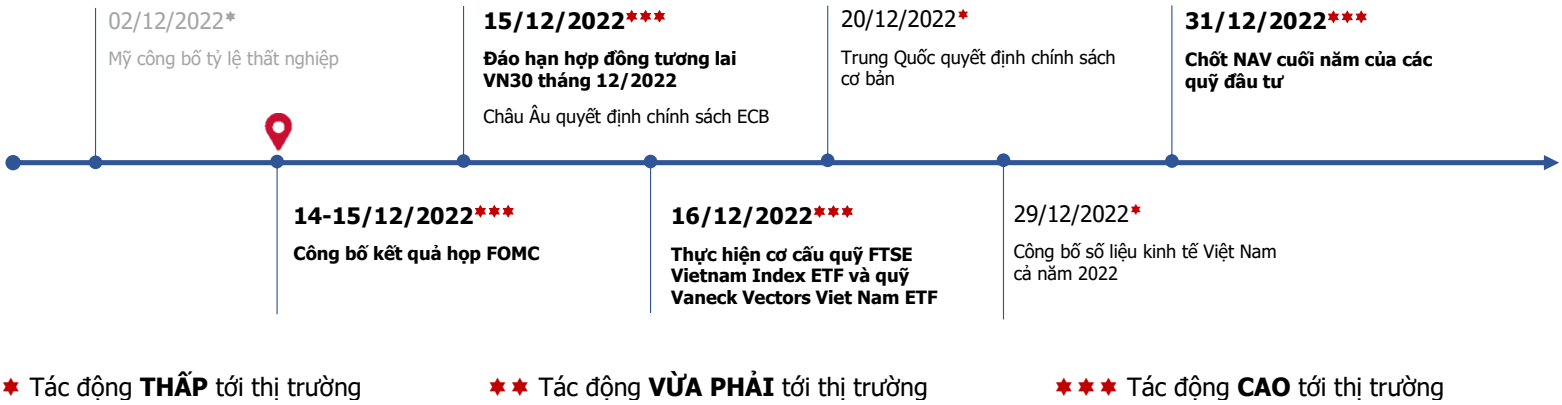
Giá trị giao dịch ròng (tỷ VND)

NVL	HPG	VND	VPB	ACB	FPT	SAB	MSN	VIC	VNM
+214	+47	+40	+18	+14	-17	-22	-37	-43	-51

PHÂN TÍCH NHÓM CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU

Ticker	Ngành ICB cấp II	Giá cuối ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Beta 6m	% ngày	% tháng	% năm	% Doanh thu (QoQ)	% LNST (QoQ)	ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B	Tổng tài sản/Vốn CSH
MWG	Bán lẻ	46,450	67,982	1.4	0.1%	14.3%	-32.1%	31.6%	15.4%	22.9%	8.2%	3,467	15,919	13.4	2.9	2.6
FPT	Công nghệ Thông tin	76,300	83,703	0.9	-1.2%	7.8%	0.0%	27.8%	29.2%	22.8%	9.5%	4,799	18,136	15.9	4.3	2.3
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	107,500	205,750	0.4	1.8%	-5.5%	8.4%	31.2%	25.3%	23.9%	16.0%	7,058	29,593	15.2	3.6	1.5
REE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	77,800	27,650	0.9	-1.5%	13.4%	29.3%	104.4%	158.2%	16.0%	8.5%	7,773	41,612	10.0	1.9	1.8
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47,600	14,346	1.0	-0.4%	13.3%	2.9%	36.1%	92.9%	13.2%	8.9%	3,305	23,620	14.4	2.0	1.4
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	113,000	27,798	0.7	0.4%	17.0%	19.3%	739.7%	258.1%	23.7%	15.8%	7,639	33,814	14.8	3.3	1.5
GVR	Hóa chất	15,500	62,000	2.5	3.3%	44.2%	-57.7%	-4.9%	-32.7%	8.1%	5.5%	1,086	12,598	14.3	1.2	1.5
MBB	Ngân hàng	18,150	82,292	1.6	0.8%	19.4%	-25.2%	26.3%	61.4%	25.4%	2.7%	3,876	15,995	4.7	1.1	8.7
VHC	Thực phẩm và đồ uống	71,800	13,166	0.5	1.1%	-3.6%	17.2%	46.2%	76.2%	32.5%	21.1%	12,291	42,001	5.8	1.7	1.5
SAB	Thực phẩm và đồ uống	179,000	114,789	0.0	0.6%	-8.2%	16.5%	101.6%	202.3%	23.0%	17.5%	8,568	38,007	20.9	4.7	1.3

SỰ KIỆN ĐẦU TƯ TRONG THÁNG



TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ: Bloomberg, Investing, Fiinpro và các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

THÔNG TIN LIÊN HỆ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Vương Chí Tâm, CFA, FRM

P. Giám đốc phân tích
tamvc@tvs.vn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Đỗ Thùy Dương

Chuyên viên
duongdt@tvs.vn

BỘ PHẬN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

ib.hcm@tvs.vn

BỘ PHẬN MÔI GIỚI

brokerage.hcm@tvs.vn

brokerage.hn@tvs.vn